

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẠM VĂN HAI

Biểu mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi, trẻ KT có thẻ học hòa nhập	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình 35 tuần; dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; dạy học 2 buổi/ngày
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp thông qua BCH CMHS, sổ liên lạc điện tử, gặp trực tiếp, gọi điện thoại. Tích cực, chủ động, sáng tạo	Phối hợp thông qua BCH CMHS, sổ liên lạc điện tử, gặp trực tiếp, gọi điện thoại. Tích cực, chủ động, sáng tạo	Phối hợp thông qua BCH CMHS, sổ liên lạc điện tử, gặp trực tiếp, gọi điện thoại. Tích cực, chủ động, sáng tạo	Phối hợp thông qua BCH CMHS, sổ liên lạc điện tử, gặp trực tiếp, gọi điện thoại. Tích cực, chủ động, sáng tạo	Phối hợp thông qua BCH CMHS, sổ liên lạc điện tử, gặp trực tiếp, gọi điện thoại. Tích cực, chủ động, sáng tạo
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của	Hoạt động GDNGLL, TDTT,	Hoạt động GDNGLL, TDTT, ngoại	Hoạt động GDNGLL, TDTT, ngoại	Hoạt động GDNGLL, TDTT, ngoại	Hoạt động GDNGLL, TDTT, ngoại

	học sinh ở cơ sở giáo dục	ngoại khóa, Đội, Sao....	khóa, Đội, Sao....	khóa, Đội, Sao....	khóa, Đội, Sao....	khóa, Đội, Sao....
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt 100%. Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được tốt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt 100%. Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được tốt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt 100%. Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được tốt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt 100%. Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được tốt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt 100%. Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	HTCLLH 100%	HTCLLH 100%	HTCLLH 100%	HTCLLH 100%	HTCLLTH100%

Tân Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Liên

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG Tiểu học PHẠM VĂN HAI

Biểu mẫu 06

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	553	107	99	90	137	120
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	553	107	99	90	137	120
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	553	107	99	90	137	120
1	Tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	325 (58,8%)	64 (59,9%)	55 (55,5%)	39 (43,4%)	70 (51%)	97 (80,8%)
2	Đạt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	220 (39,7%)	39 (36,4%)	42 (42,4%)	49 (54,4%)	67 (48,9%)	23 (19,2%)
3	Cần cố gắng <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	7 (1,3%)	4 (3,7%)	1 (1,01%)	2 (2,2%)	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	553	107	99	90	137	120
1	Hoàn thành tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	114 (20,6%)	11 (10,2%)	3 (3%)	16 (17,8%)	32 (23,3%)	52 (43,3%)
2	Hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	220 (39,7%)	39 (36,44%)	42 (42,4%)	49 (54,4%)	67 (48,9%)	23 (19,1%)
3	Chưa hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	7 (1,3%)	4 (3,7%)	1 (1,01%)	2 (2,2%)	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	553	107	99	90	137	120
1	Lên lớp <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	546	103 (95,4%)	98 (99%)	88 (97,8%)	137 (100%)	120 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	273 (65,6%)	64 (60,7%)	55 (57,6%)	39 (48,9%)	70 (56,2%)	45 (100%)

b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,18%)	0	1 (1,01%)	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	7 (1,3%)	4 (3,7%)	1 (1,01%)	2 (2,2%)	0	0

Tân Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Liên

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẠM VĂN HAI

Biểu mẫu 07

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	19/19	1,2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	1,2 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1470 m ²	1,9 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	740 m ²	0,9 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	960 m ²	1,2 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	48 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	18 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	18 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18 m ²	

8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	19	19/20
1.1	Khối lớp 1	4	1
1.2	Khối lớp 2	4	1
1.3	Khối lớp 3	4	1
1.4	Khối lớp 4	4	1
1.5	Khối lớp 5	3	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	31 bộ	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	7/20
2	Cát xét	3	3/20
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	3/20
5	Bảng tương tác thông minh	1	1/20
6	Máy chiếu	13	13/20

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	72 m ²
XI	Nhà ăn	Học sinh ăn tại lớp

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	480 m ²	310	1.2 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	0	4	0	0.1 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số [41/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Tân Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Liên

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẠM VĂN HAI

Biểu mẫu 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2024 -2025

[illegible]

3	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật kiêm thủ quỹ, y tế	01	/	/	/	/	1	/	1	/	/	/	/	/	/
4	Nhân viên thư viện, thiết bị	01	/	/	/	/	1	/	1	/	/	/	/	/	/

Tân Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Liên